

# CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE TÀU PHÀ CẦN THƠ

---

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN  
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC VÀO NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012



## MỤC LỤC

	Trang
1. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN	3 - 4
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 7
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9 - 10
6. THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 20



**CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE TÀU PHÀ CẦN THƠ**

36 Nguyễn Văn Linh, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE TÀU PHÀ CẦN THƠ (dưới đây gọi tắt là Công ty) trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Thành viên Hội Đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban điều hành của công ty trong năm tài chính và đến ngày lập báo cáo tài chính bao gồm:

**Hội Đồng Quản Trị**

Ông Nguyễn Quang Huống

Chủ tịch

Ông Huỳnh Hữu Truyền

Phó Chủ tịch

Ông Nguyễn Văn Mạnh

Thành viên

Ông Nguyễn Đình Sửu

Thành viên

Bà Võ Thị Mỹ Nghi

Thành viên

Ông Nguyễn Thành Tính

Thành viên

Ông Lương Hoàng Mạnh

Thành viên

**Ban Kiểm soát**

Ông Chim Văn Dương

Trưởng ban

Bà Nguyễn Thị Thắng

Thành viên

Bà Lê Việt Hồng

Thành viên

**Ban Điều hành**

Ông Nguyễn Quang Huống

Tổng Giám đốc

Ông Huỳnh Hữu Truyền

Phó Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Mạnh

Phó Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Đình Sửu

Phó Tổng Giám đốc

Ông Mai Hữu Đức

Phó Tổng Giám đốc

Ông Tô Văn Khởi

Phó Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Minh Trí

Phó Tổng Giám đốc

Bà Võ Thị Mỹ Nghi

Kế toán trưởng

**Hoạt động chính của Công ty**

Phục vụ vận tải hành khách; Quản lý và điều hành bến xe, bến tàu; Dịch vụ bán vé máy bay, vé xe lửa, vé phà, quản lý điều hành phà; Đào tạo lái xe mô tô, ô tô; Sát hạch lái xe ô tô; Dịch vụ vận tải hàng hóa và hành khách; Đăng kiểm giao thông thủy bộ (chỉ được hoạt động sau khi có giấy phép của Cục đăng kiểm); Dịch vụ sửa chữa, bảo trì, bảo hành, mua bán xe ô tô các loại; Dịch vụ trông giữ xe, rửa xe ô tô; Kinh doanh xăng dầu; Khai thác vận tải hành khách thủy bộ và công cộng; Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt, xe taxi; Thuê bao hợp đồng

**Kết quả hoạt động kinh doanh****Năm 2012****Năm 2011**

- Doanh thu thuần

92,467,566,707

64,902,742,945

- Lãi (Lỗ) từ hoạt động sản xuất kinh doanh

5,829,740,985

6,419,400,697

## CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE TÀU PHÀ CẦN THƠ

36 Nguyễn Văn Linh, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

### BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

#### Cam kết của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc khẳng định rằng báo cáo tài chính đã được lập, trình bày trung thực và hợp lý tình hình hoạt động kinh doanh của công ty trên các khía cạnh trọng yếu và theo đúng các chuẩn mực, các chế độ kế toán được chấp nhận và các quy định có liên quan tại Việt Nam. Để lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ khi giả thuyết Công ty sẽ tiếp tục hoạt động không còn phù hợp;
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện gian lận và sai sót.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính và cam kết rằng công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh như hiện tại và thực hiện các kế hoạch phát triển kinh doanh của mình trong các năm tới.

#### Lợi ích của các thành viên Ban Tổng Giám Đốc

Không có thành viên Ban Tổng Giám đốc nào được thụ hưởng hay có quyền thụ hưởng bất kỳ một lợi ích nào khác ngoài các lợi ích bao gồm các khoản tiền lương, tiền thù lao đã nhận hay các khoản phải trả, phải thu của Ban Tổng Giám đốc được trình bày trong báo cáo tài chính, bởi một thỏa thuận nào đó được lập bởi CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE TÀU PHÀ CẦN THƠ, các công ty có liên quan đến Ban Tổng Giám đốc hay với những công ty có liên quan đến các lợi ích về tài chính.

#### Sự kiện sau ngày kết thúc niên độ

Không có bất kỳ một nghiệp vụ, một sự kiện, một vấn đề bất thường phát sinh từ sau ngày kết thúc niên độ đến ngày lập báo cáo này có ảnh hưởng trọng yếu đến ý kiến của Ban Tổng Giám đốc công ty, đến kết quả hoạt động của công ty trong năm tài chính hiện hành.

#### Kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Kiểm Toán Mỹ (AA) được chỉ định kiểm toán báo cáo tài chính cho năm kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Cần Thơ, ngày 21 tháng 01 năm 2013

Thay mặt Ban Tổng Giám Đốc



Nguyễn Quang Huống  
Tổng Giám Đốc

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE TÀU PHÀ CẦN THƠ CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC VÀO NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2012

Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ - BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE TÀU PHÀ CẦN THƠ

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính gồm : Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 từ trang 5 đến trang 20.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan tại Việt Nam. Trách nhiệm này bao gồm: thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn; chọn lựa và áp dụng các chính sách kế toán thích hợp; và thực hiện các ước tính kế toán hợp lý đối với từng trường hợp.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ các quy tắc đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính của Công ty không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu mà chưa được phát hiện ra.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập đầy đủ các bằng chứng kiểm toán thích hợp về các số liệu và các thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên về rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính một cách trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của đơn vị. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho chúng tôi đưa ra ý kiến kiểm toán.

### Cơ sở cho ý kiến chấp nhận từng phần

Chúng tôi đã không thể giám sát kiểm kê thực tế quỹ tiền mặt và tài sản cố định vào ngày 31/12/2012. Đến thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán này, chúng tôi chưa nhận được đầy đủ thư xác nhận các khoản phải thu, cũng như các thư xác nhận các khoản nợ phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

## Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE TÀU PHÀ CẦN THƠ tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, cũng như kết quả sản xuất, kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan.

## TRỤ SỞ CHÍNH CÔNG TY KIỂM TOÁN MỸ (AA)



**LÊ VĂN THANH**

Tổng Giám đốc

Chứng chỉ KTV số 0357/KTV

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 21 tháng 01 năm 2013

**NGUYỄN PHƯƠNG LAN ANH**

Giám đốc

Chứng chỉ KTV số 0673/KTV

American Auditing (AA) thành lập tại Việt Nam năm 2001 được chấp thuận kiểm toán, xác định giá trị doanh nghiệp cho các tổ chức phát hành, tổ chức niêm yết, tổ chức tín dụng, tổ chức kinh doanh chứng khoán, tổng công ty nhà nước, tập đoàn nước ngoài ...theo Quyết định số 1938/QĐ-BTC của Bộ Tài chính Việt Nam, Quyết định số 932/QĐ-UBCK của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam và Quyết định số 848/VACPA của Hội kiểm toán viên Việt Nam.

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Đơn vị tiền tệ: VND

TÀI SẢN	MÃ SỐ TM	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)</b>	<b>100</b>	<b>5,687,189,032</b>	<b>5,551,974,182</b>
<b>I. Tiền &amp; các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4,455,906,948</b>	<b>4,077,469,965</b>
1. Tiền	111 V.01	4,455,906,948	4,077,469,965
2. Các khoản tương đương tiền	112	-	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	-	-
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129	-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>581,683,500</b>	<b>535,229,121</b>
1. Phải thu khách hàng	131	287,183,500	-
2. Trả trước cho người bán	132	294,500,000	504,500,000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134	-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	-	30,729,121
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139	-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>207,061,064</b>	<b>90,733,612</b>
1. Hàng tồn kho	141 V.03	207,061,064	90,733,612
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149	-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>	<b>442,537,520</b>	<b>848,541,484</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	198,793,520	372,541,484
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158 V.04	243,744,000	476,000,000
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+230+240+250+260)</b>	<b>200</b>	<b>40,559,851,675</b>	<b>46,467,629,950</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212	-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213	-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219	-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>	<b>40,559,851,675</b>	<b>46,467,629,950</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	40,338,697,383	39,856,307,675
- Nguyên giá	222 V.05	67,978,986,810	59,301,645,949
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223	(27,640,289,427)	(19,445,338,274)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	-	-
- Nguyên giá	225	-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226	-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227 V.06	221,154,292	317,222,860
- Nguyên giá	228	480,342,857	480,342,857
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229	(259,188,565)	(163,119,997)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230 V.07	-	6,294,099,415
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
- Nguyên giá	241	-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242	-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	-	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259	-	-
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	-	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268	-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>	<b>46,247,040,707</b>	<b>52,019,604,132</b>

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Đơn vị tiền tệ: VND

NGUỒN VỐN	MÃ SỐ	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>	<b>11,613,050,649</b>	<b>18,976,570,692</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>	<b>3,890,898,649</b>	<b>3,971,514,120</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311 V.08	500,000,000	700,000,000
2. Phải trả cho người bán	312	113,900,000	-
3. Người mua trả tiền trước	313	-	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314 V.09	641,014,166	457,854,779
5. Phải trả người lao động	315	1,604,029,267	1,931,662,492
6. Chi phí phải trả	316	-	3,635,161
7. Phải trả nội bộ	317	-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318	-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319 V.10	181,562,651	273,064,718
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320	-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	850,392,565	605,296,970
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>	<b>7,722,152,000</b>	<b>15,005,056,572</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331	-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333	-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334 V.11	7,700,000,000	14,958,616,572
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337	-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	22,152,000	46,440,000
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339	-	-
<b>B - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>	<b>34,633,990,058</b>	<b>33,043,033,440</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410 V.12</b>	<b>34,633,990,058</b>	<b>33,043,033,440</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	20,000,000,000	20,000,000,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	2,032,100,000	2,032,100,000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413	7,500,000,000	7,500,000,000
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414	-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415	-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	1,400,712,314	674,619,587
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	126,218,076	53,608,804
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	3,574,959,668	2,782,705,049
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421	-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422	-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
1. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	431	-	-
2. Nguồn kinh phí	432	-	-
3. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433	-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>	<b>46,247,040,707</b>	<b>52,019,604,132</b>

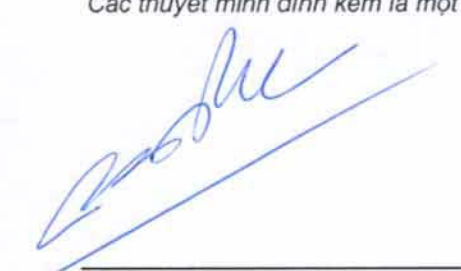
**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**


Đơn vị tiền tệ: VND

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	MÃ SỐ TM	SỐ CUỐI NĂM	SỐ ĐẦU NĂM
1. Tài sản thuê ngoài	001	-	-
2. Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công	002	-	-
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược	003	-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004	-	-
5. Ngoại tệ các loại	005	-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án	008	-	-

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

Cần Thơ, ngày 21 tháng 01 năm 2013

  
 Võ Thị Mỹ Nghi  
 Kế Toán Trưởng

  
 Nguyễn Quang Huống  
 Tổng Giám Đốc

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị tiền tệ: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ TM	Năm nay	Năm trước
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	7,807,448,681	6,254,440,261
2. Điều chỉnh cho các khoản		-	-
- Khấu hao tài sản cố định	02	11,995,312,690	5,532,679,877
- Các khoản dự phòng	03	-	-
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	-
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(48,568,738)	(33,969,278)
- Chi phí lãi vay	06	2,309,169,533	2,650,301,968
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	22,063,362,166	14,403,452,828
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	185,801,621	261,188,443
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(119,084,814)	1,397,358,126
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	95,096,529	195,681,872
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12	173,747,964	1,075,939,085
- Tiền lãi vay đã trả	13	(2,309,169,533)	(2,650,301,968)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(543,764,046)	(607,007,639)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	93,000,000	6,632,006
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(951,989,956)	(610,099,120)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	18,686,999,931	13,472,843,633
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(8,138,479,310)	(5,386,670,991)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	2,039,964,196	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	48,568,738	33,969,278
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(6,049,946,376)	(5,352,701,713)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	3,200,000,000	7,645,000,000
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(10,658,616,572)	(8,575,352,428)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(4,800,000,000)	(4,000,000,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(12,258,616,572)	(4,930,352,428)

## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Đơn vị tiền tệ: VND

CHỈ TIÊU	MÃ SỐ TM	Năm nay	Năm trước
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ ( $50 = 20+30+40$ )	50	378,436,983	3,189,789,492
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	4,077,469,965	887,680,473
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ ( $70 = 50+60+61$ )	70	4,455,906,948	4,077,469,965

Các thuyết minh đính kèm là một bộ phận không tách rời của báo cáo tài chính.

Cần Thơ, ngày 21 tháng 01 năm 2013



Võ Thị Mỹ Nghi  
Kế Toán Trưởng



Nguyễn Quang Huống  
Tổng Giám Đốc

## **THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

#### **1. Hình thức sở hữu vốn:**

Công ty cổ phần Bến xe Tàu phà Cần Thơ (" gọi tắt là Công ty") hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5703000173 cấp ngày 20 tháng 5 năm 2005 và đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 07 tháng 10 năm 2010 do Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố Cần Thơ cấp

- Trụ sở chính đặt tại 36 Nguyễn Văn Linh, phường Hưng Lợi, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ

#### **2. Lĩnh vực và ngành nghề hoạt động**

Phục vụ vận tải hành khách; Quản lý và điều hành bến xe, bến tàu; Dịch vụ bán vé máy bay, vé xe lửa, vé phà, quản lý điều hành phà; Đào tạo lái xe mô tô, ô tô; Sát hạch lái xe ô tô; Dịch vụ vận tải hàng hóa và hành khách; Đăng kiểm giao thông thủy bộ (chỉ được hoạt động sau khi có giấy phép của Cục đăng kiểm); Dịch vụ sửa chữa, bảo trì, bảo hành, mua bán xe ô tô các loại; Dịch vụ trông giữ xe, rửa xe ô tô; Kinh doanh xăng dầu; Khai thác vận tải hành khách thủy bộ và công cộng; Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt, xe taxi; Thuê bao hợp đồng

### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

#### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

#### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán:**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND)

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Chế độ kế toán áp dụng:**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán Việt Nam.

#### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

- Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

- Chế độ kế toán áp dụng: Doanh nghiệp thực hiện công tác kế toán theo Hệ thống Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ Tài Chính.

- Các chế độ kế toán được áp dụng nhất quán với những chế độ kế toán áp dụng với báo cáo tài chính năm cho niên độ kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2012

#### **3. Hình thức sổ kế toán áp dụng:**

Chứng từ ghi sổ

### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

- Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

- Báo cáo tài chính sử dụng đơn vị tiền tệ là Đồng Việt Nam (VND), và được soạn lập theo Chế độ Kế toán, Chuẩn Mục Kế toán, Nguyên Tắc Kế toán Việt Nam được chấp nhận chung tại Việt Nam.

## **2. Tiền và tương đương tiền**

### ***Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền***

- Là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

### ***Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán***

#### Đối với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ:

- Được quy đổi theo tỷ giá áp dụng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong báo cáo kết quả kinh doanh.

#### Đối với các tài sản và nợ phải trả bằng tiền có gốc ngoại tệ:

- Cuối niên độ: Công ty đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng do ngân hàng nhà nước công bố tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ được kết chuyển vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

## **3. Hàng tồn kho**

### **a. Nguyên tắc ghi nhận tồn kho:**

- Hàng tồn kho được ghi nhận trên cơ sở giá gốc là giá bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

- Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được (giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng cách lấy giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.)

- Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên cấp độ hoạt động bình thường.

**b. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho:** Bình quân gia quyền

**c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:** Kê khai thường xuyên

### **d. Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:**

Công ty thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài Chính (thay thế TT số 13/2006/TT-BTC ngày 27/02/2006).

## **4. Các khoản phải thu thương mại, các khoản phải thu khác và cách thức lập dự phòng nợ phải thu khó đòi**

### **a. Nguyên tắc ghi nhận**

- Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu – VAS 14 về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.

- Các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ đã được xem xét, phê duyệt.

**b. lập dự phòng phải thu khó đòi**

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

**5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)**

Thời gian khấu hao áp dụng theo thời gian quy định tại Thông tư số 203/QĐ-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài Chính, cụ thể như sau:

**TSCĐ hữu hình:**

***Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình***

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được tính vào giá trị tài sản, chi phí bảo trì sửa chữa được tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi (lỗ) nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được thể hiện theo nguyên giá. Nguyên giá này bao gồm chi phí xây dựng, giá trị máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang không được tính khấu hao cho đến khi các tài sản có liên quan được hoàn thành và đưa vào sử dụng.

***Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình***

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

<b>Loại TSCĐ</b>	<b>Thời gian (năm)</b>
Nhà cửa vật kiến trúc	05-20
Máy móc thiết bị	08-10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10-14
Thiết bị, dụng cụ quản lý	05-10
Tài sản cố định khác	08-10

**6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay (CPĐV) và chi phí khác*****Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí đi vay***

- Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

- Tỷ lệ vốn hóa chi phí đi vay được sử dụng để xác định CPĐV được vốn hóa trong kỳ:

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

**7. Chi phí trả trước dài hạn**

Các chi phí thành lập doanh nghiệp, chi phí đào tạo, quảng cáo phát sinh tổng giai đoạn trước hoạt động được phân bổ tối đa không quá 3 năm và chi phí công cụ, dụng cụ được phân bổ theo thời gian sử dụng hữu ích.

**8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả, trích trước chi phí sửa chữa lớn**

- Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

- Việc trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được căn cứ vào kế hoạch chi phí sửa chữa tài sản cố định. Nếu chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định thực tế cao hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán toàn bộ vào chi phí hoặc phân bổ dần vào chi phí trong thời gian tối đa là 3 năm. Nếu chi phí sửa chữa lớn thực tế nhỏ hơn số đã trích thì phần chênh lệch được hạch toán giảm chi phí trong kỳ.

**9. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp**

Quỹ trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp được tính toán và trích lập theo Luật Bảo Hiểm Xã Hội và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

**10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực góp của chủ sở hữu.

**11. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu****a. Doanh thu bán hàng**

Doanh thu được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ các giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**b. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu, chi phí hợp đồng xây dựng**

***Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch***

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định vào ngày lập báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.

***Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện:***

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

**c. Doanh thu cung cấp dịch vụ**

- Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 4 điều kiện sau:
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành;
- Xác định được chi phí phát sinh và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**d. Doanh thu hoạt động tài chính**

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

**12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán

**13. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 25%

- **Thuế thu nhập hiện hành:** Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (hoặc thu hồi được) tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

- Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

- Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**14. Các bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

**15. Số liệu so sánh**

Một vài số liệu so sánh đã được sắp xếp lại cho phù hợp với việc trình bày báo cáo tài chính của niên độ này.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tiền tệ: VND

## 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt tại quỹ	79,490,560	2,397,237,158
- Tiền gửi ngân hàng	4,376,416,388	1,680,232,807
- Khoản tương đương tiền	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>4,455,906,948</b>	<b>4,077,469,965</b>

## 2. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Phải thu khách hàng	287,183,500	-
Cty CP VT và DV DL Phương Trang CN Cần Thơ	182,746,000	
Các khách hàng khác	104,437,500	
b. Trả trước nhà cung cấp	294,500,000	504,500,000
Cty TNHH MTV quy hoạch thiết kế thi công An Gi	267,000,000	267,000,000
Cty CP Xây dựng và PT Đô Thị Cần Thơ	-	165,000,000
Các khách hàng khác	27,500,000	72,500,000
c. Phải thu khác	-	30,729,121
<b>Tổng cộng</b>	<b>581,683,500</b>	<b>535,229,121</b>
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-
<b>Giá trị thuần phải thu thương mại và phải thu khác</b>	<b>581,683,500</b>	<b>535,229,121</b>

## 3. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công cụ dụng cụ	207,061,064	90,733,612
<b>Tổng cộng</b>	<b>207,061,064</b>	<b>90,733,612</b>
Dự phòng giảm giá HTK	-	-
<b>Giá trị thuần có thể thực hiện được</b>	<b>207,061,064</b>	<b>90,733,612</b>

## 4. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng	243,744,000	476,000,000
+ Trần Thị Sứa	180,000,000	476,000,000
+ Nguyễn Minh Trí	20,000,000	-
+ Lê Trúc Ngân	43,744,000	-
Kí quỹ, kí cược ngắn hạn	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>243,744,000</b>	<b>476,000,000</b>

## 5. Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Tổng cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Số Đầu Năm	14,108,503,078		24,383,952,313	2,927,170,598	17,882,019,960	59,301,645,949
- Tăng trong năm	7,621,845,755	-	4,246,069,788	135,717,273	2,428,945,909	14,432,578,725
- Thanh lý, nhượng bán	(3,168,912,243)	-	(1,836,087,058)	(717,858,583)	(32,379,980)	(5,755,237,864)
Số Cuối Năm	18,561,436,590	-	26,793,935,043	2,345,029,288	20,278,585,889	67,978,986,810
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Số Đầu Năm	4,668,332,453	-	6,347,225,864	1,728,567,485	6,701,212,472	19,445,338,274
- Khấu hao trong năm	2,602,195,201		5,705,225,521	491,796,104	3,100,027,296	11,899,244,122
- Thanh lý, nhượng bán	(1,903,948,405)		(1,050,106,001)	(717,858,583)	(32,379,980)	(3,704,292,969)
- Giảm khác				-		-
Số Cuối Năm	5,366,579,249	-	11,002,345,384	1,502,505,006	9,768,859,788	27,640,289,427
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Số Đầu Năm	9,440,170,625	-	18,036,726,449	1,198,603,113	11,180,807,488	39,856,307,675
Số Cuối Năm	13,194,857,341	-	15,791,589,659	842,524,282	10,509,726,101	40,338,697,383

## 6. Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Hệ Thống ISO	Phần mềm vi tính	TSCĐ VH khác	Tổng cộng
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Số Đầu Năm	-		480,342,857		480,342,857
Số Cuối Năm	-	-	480,342,857	-	480,342,857
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Số Đầu Năm	-		163,119,997		163,119,997
- Khấu hao trong năm	-		96,068,568		96,068,568
Số Cuối Năm	-	-	259,188,565	-	259,188,565
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Số Đầu Năm	-	-	317,222,860	-	317,222,860
Số Cuối Năm	-	-	221,154,292	-	221,154,292

## 7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

- Công trình Văn phòng Cty

Tổng cộng

Số cuối năm

Số đầu năm

-

6,294,099,415

-

6,294,099,415

**8. Các khoản vay và nợ ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>500,000,000</b>	<b>700,000,000</b>
- Vay cá nhân	500,000,000	700,000,000
<b>Nợ đến hạn trả</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>500,000,000</b>	<b>700,000,000</b>

**9. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế GTGT phải nộp	455,501,080	325,774,055
Thuế thu nhập doanh nghiệp	106,568,514	103,811,152
Thuế thu nhập cá nhân	78,944,572	28,269,572
<b>Tổng cộng</b>	<b>641,014,166</b>	<b>457,854,779</b>

**10. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	47,199,934	102,167,718
Bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội, BH thất nghiệp	33,335,067	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	101,027,650	170,897,000
<b>Tổng cộng</b>	<b>181,562,651</b>	<b>273,064,718</b>

**11. Vay và nợ dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Vay Sacombank Cần Thơ ( VND)	-	1,146,420,572
- Vay VCB Cần Thơ ( VND)	3,000,000,000	8,812,196,000
- Vay cá nhân	4,700,000,000	5,000,000,000
<b>Tổng cộng</b>	<b>7,700,000,000</b>	<b>14,958,616,572</b>

**12. Vốn chủ sở hữu****a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu (CSH) năm trước**

Khoản mục	Số đầu năm	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	Số cuối năm
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	20,000,000,000			20,000,000,000
Thặng dư vốn cổ phần	2,032,100,000			2,032,100,000
Vốn khác của CSH	7,500,000,000			7,500,000,000
Quỹ đầu tư phát triển	97,405,849	577,213,738		674,619,587
Quỹ dự phòng tài chính	314,808,458	57,721,374	318,921,028	53,608,804
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	2,161,551,693	5,772,137,374	5,150,984,018	2,782,705,049
<b>Tổng cộng</b>	<b>32,105,866,000</b>	<b>6,407,072,486</b>	<b>5,469,905,046</b>	<b>33,043,033,440</b>

**b. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu (CSH) năm nay**

Khoản mục	Số đầu năm	Phát sinh tăng	Phát sinh giảm	Số cuối năm
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	20,000,000,000			20,000,000,000
Thặng dư vốn cổ phần	2,032,100,000			2,032,100,000
Vốn khác của CSH	7,500,000,000	-		7,500,000,000
Quỹ đầu tư phát triển	674,619,587	726,092,727	-	1,400,712,314
Quỹ dự phòng tài chính	53,608,804	72,609,272		126,218,076
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	2,782,705,049	7,260,927,273	6,468,672,654	3,574,959,668
<b>Tổng cộng</b>	<b>33,043,033,440</b>	<b>8,059,629,272</b>	<b>6,468,672,654</b>	<b>34,633,990,058</b>

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.**

Đơn vị tiền tệ: VND

**1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu cung cấp dịch vụ	92,467,566,707	64,902,742,945
<b>Tổng cộng</b>	<b>92,467,566,707</b>	<b>64,902,742,945</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	26,388,681,724	18,443,795,533
<b>Tổng cộng</b>	<b>26,388,681,724</b>	<b>18,443,795,533</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	48,568,738	33,969,278
<b>Tổng cộng</b>	<b>48,568,738</b>	<b>33,969,278</b>

**4. Chi phí hoạt động tài chính**

	Năm nay	Năm trước
Lãi vay	2,309,169,533	2,650,301,968
Chi phí tài chính khác	-	70,010,025
<b>Tổng cộng</b>	<b>2,309,169,533</b>	<b>2,720,311,993</b>

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán, lập Báo cáo tài chính yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh thêm trong Báo cáo tài chính.


**2. Thông tin so sánh**

- Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính năm 2011 đã được kiểm toán của đơn vị.

**3. Một số chỉ số đánh giá tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp**

Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
<b>1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn</b>		
<b>1.1 Bố trí cơ cấu tài sản (%)</b>		
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	87.70%	89.33%
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	12.30%	10.67%
<b>1.2 Bố trí cơ cấu nguồn vốn (%)</b>		
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	25.11%	36.48%
- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	74.89%	63.52%
<b>2. Khả năng thanh toán</b>		
<b>2.1 Khả năng thanh toán hiện hành (lần)</b>	1.46	1.40
<b>2.2 Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn (lần)</b>	11.89	13.10
<b>2.3 Khả năng thanh toán nhanh (lần)</b>	1.15	1.03
<b>2.4 Khả năng thanh toán nợ dài hạn (lần)</b>	5.99	3.47
<b>3. Tỷ suất sinh lời</b>		
<b>3.1 Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu thuần (%)</b>		
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên DT thuần	8.44%	9.64%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên DT thuần	7.85%	8.89%
<b>3.2 Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản (%)</b>		
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên Tổng tài sản	16.88%	12.02%
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên Tổng tài sản	15.70%	11.10%
<b>3.3. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên nguồn vốn chủ sở hữu</b>	20.96%	17.47%

Cần Thơ, ngày 21 tháng 01 năm 2013

  
 Võ Thị Mỹ Nghi  
 Kế Toán Trưởng

  
  
 Nguyễn Quang Huống  
 Tổng Giám Đốc

# ideas Solutions Results

*American Auditing is the leading professional services firm that delivers the value clients care about.*

*We bring our clients the ideas they need to make the most informed decisions. We explore alternatives and identify the best solutions. We help our clients achieve results that make them more competitive, improve their profitability, and increase stakeholder value.*

## OFFICES IN VIETNAM

- ✦ The Southern Area  
VCCI Tower , 171 Vo Thi Sau, Dist.3, Ho Chi Minh City, Viet Nam
- ✦ The Northern Area  
A12, Block X1, Lien Co Quan Zone, Tu Liem Dist, Ha Noi Capital, Viet Nam
- ✦ The Western Area  
81 Chau Van Liem St, Ninh Kieu Dist, Can Tho City, Viet Nam
- ✦ The Centre Area  
Floor 3<sup>rd</sup>, Danabook Tower, 76-78 Bach Dang , Da Nang City, Viet Nam

## HOT LINE

- Office : (84-8) 39 321 284
- Fax : (84-8) 39 321 286
- Mobile : 0903 699 894

## FUTHER INFORMATION

- Email : [info@aa.com.vn](mailto:info@aa.com.vn)
- Website: [www.aa.com.vn](http://www.aa.com.vn)

American Auditing (AA) was established at Vietnam in year 2001 and approved to audit securities-issuing organizations, securities-listing organizations, securities-trading organizations, valuation of businesses, the general State-owned company and foreign group company according to Decision No.1938/QD-BTC of Ministry of Finance, Vietnam, Decision No. 1078/QD-UBCK of the state securities commission, Vietnam and Decision No. 16227/VACPA of Vietnam Association of Certified Public Accountants